

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HUNG
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Án số: 25/2018/DS - ST

Ngày 28/11/2018

*Về Tranh chấp hợp đồng tín
dụng*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đình Cự

2. Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh – Thư ký Tòa án

Đại diện VKSND huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Yên – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2018/TLST-DS ngày 11/9/2018 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXX- ST ngày 19/10/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ

Địa chỉ: 130 P, phường 3, quận P, Thành phố H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh T – Tổng Giám đốc

(Quyết định ủy quyền số 122/QĐ - DAB - HĐQT ngày 27/4/2016)

Người đại diện theo ủy quyền thứ 2: Ông Trần Văn G – Giám đốc Chi nhánh Thái Bình – phòng giao dịch Đ.

(Quyết định ủy quyền số 636/QĐ - DAB - PC ngày 22/5/2018)

Người đại diện được ủy quyền lại: Bà Trần Thị Thanh T

Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh Thái Bình, Phòng giao dịch Đ.

(Quyết định ủy quyền số 09/QĐ - DAB – DHG1 ngày 05/9/2018)

- Bị đơn: Bà Vũ Thị N, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh T.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh T.

(Tại phiên tòa vắng mặt bà T, bà N, ông T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn trình bày: Theo giấy đề nghị vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ của bà Vũ Thị N, ngày 17/6/2016 Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, chi nhánh Thái Bình, Phòng giao dịch Đ đã duyệt cho bà Vũ Thị N vay số tiền 20.000.000đồng, lãi suất 9%/năm, thời hạn vay 12 tháng, chia làm 12 kỳ, mỗi kỳ là 1 tháng kể từ ngày 17/6/2016 đến ngày 17/6/2017, mục đích vay mua máy và chăn nuôi, hình thức thanh toán: trả cả gốc và lãi hàng tháng theo quy định của Ngân hàng Đ (theo bảng dự tính thu RULE 78); hình thức bảo đảm khoản vay: tín chấp thông qua xác nhận của Chủ tịch Hội phụ nữ và Chủ tịch UBND xã Đ. Ngày 17/6/2016 Ngân hàng thương mại cổ phần Đ đã thực hiện cho bà N nhận nợ theo hình thức báo có vào tài khoản số 0110220534 của bà Vũ Thị N mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền 20.000.000đồng. Quá trình vay, từ ngày 17/6/2016 đến ngày 27/3/2017, bà Vũ Thị N đã trả được tổng số tiền gồm: Gốc: 12.990.770đồng; lãi trong hạn: 1.569.230đồng. Do bà Vũ Thị N vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên từ ngày 18/6/2018, ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 20/8/2018, bà N còn nợ ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền gốc là: 7.009.230đồng; lãi trong hạn: 230.770đồng; lãi quá hạn: 1.175.286đồng

Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc bà Vũ Thị N phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 20/8/2018 là 8.415.286đồng. Ngày 12/11/2018 bà N đã trả cho Ngân hàng 4.000.000đồng. Như vậy bà N còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 3.009.230 đồng, lãi trong hạn: 230.770đồng, lãi quá hạn: 1.175.286đồng; lãi quá hạn tính từ ngày 21/8/2018 đến ngày 12/11/2018 là 220.790đồng; lãi quá hạn tính từ ngày 13/11/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (28/11/2018) là 18.055đồng. Tổng lãi quá hạn là 1.414.131đồng.

Bà Vũ Thị N là bị đơn trình bày: bà đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng. Bà có vay của ngân hàng Đông Á, phòng giao dịch Đông Hưng số tiền gốc là 20.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 9%/năm, mục đích vay mua máy và chăn nuôi thêm. Trong giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 11/6/2016, phần người vay có ký tên “ N – Vũ Thị N” đúng là chữ ký của bà. Chữ ký trong danh sách cho vay tiền trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ ngày 17/6/2016 và trong bảng dự tính thu theo Rule78 đúng là chữ ký của bà. Chữ ký tại phần người bảo lãnh trong giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ, chữ ký “T – Đỗ Văn T” không phải là chữ ký của ông Đỗ Văn T chồng bà, còn ai ký thì bà không biết, bà không đề nghị giám định chữ ký của ông T. Ngân hàng Đ yêu cầu bà phải trả số tiền nợ tính đến ngày 20/8/2018 là 8.415.286đồng gồm số tiền gốc là: 7.009.230; lãi trong hạn: 230.770đồng; lãi quá hạn: 1.175.286đồng và tiền lãi phát sinh tính từ

ngày 21/8/2018 đến ngày thực trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, bà đồng ý trả tiền cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ. Bà không lên Tòa án làm việc được vì công việc bận mải, bà đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn T trình bày: Tại phần người bảo lãnh trong giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 11/6/2016, chữ ký: “ T – Đỗ Văn T” không phải là chữ ký của ông, ông cũng không biết ai ký, ông không đề nghị giám định chữ ký. Ngân hàng thương mại cổ phần Đ khởi kiện yêu cầu chị Vũ Thị N là vợ ông trả số tiền 8.415.286đồng gồm số tiền gốc là: 7.009.230đồng; lãi trong hạn: 230.770đồng; lãi quá hạn: 1.175.286đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 21/8/2018 đến khi bà N thực trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á, ông đồng ý trả tiền cho Ngân hàng Đ cùng bà Vũ Thị N.

Vì lý do công việc bận mải ông không lên Tòa án làm việc được, ông đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt ông. Ông Đỗ Văn T là anh trai ông đã giao cho ông thông báo thụ lý vụ án và các giấy tờ của Tòa án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng với quy định của pháp luật còn đối với bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành chưa đầy đủ quy định của pháp luật.

Về nội dung: có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, sau khi đương sự trình bày ý kiến, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Vũ Thị N và ông Đỗ Văn T đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh T, căn cứ vào Điều 26; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Bà Trần Thị Thanh T, bà Vũ Thị N và ông Đỗ Văn T có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà T, bà N, ông T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án bà N đều thừa nhận bà có vay của Ngân hàng TMCP Đ số tiền 20.000.000đồng, lãi suất 9%/năm, thời hạn vay là 12 tháng bằng Giấy đề nghị vay vốn trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 11/6/2016. Mục đích vay vốn là mua máy và chăn nuôi thêm, bà đã nhận khoản tiền trên của Ngân hàng, bà sẽ có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng. Như vậy xác nhận có việc bà N vay của Ngân hàng TMCP Đ số tiền 20.000.000đồng. Về lãi suất cho vay là

9%/năm, lãi quá hạn là 1,5 lần mức lãi trong hạn tức là 13,5% phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về chữ ký T - Đỗ Văn T trong phần người bảo lãnh trong Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 11/6/2016 bà N và ông T đều cho rằng không phải là chữ ký của ông T, Tòa án đã giải thích quy trình giám định chữ ký nhưng bà N và ông T không đề nghị giám định chữ ký, đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần Đ cũng không đề nghị giám định chữ ký. Ông T đồng ý trả tiền cho Ngân hàng Đ cùng bà Vũ Thị N cần chấp nhận.

[2.3] Theo quy định tại Phần IV “Phần cam kết của người bảo lãnh” trong Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 11/6/2016 thì trong trường hợp bà Vũ Thị N không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ hàng kỳ cho Đ Bank, ông T sẽ trả nợ thay cho người vay cho đến khi hết nợ vay tại Đ Bank, vì vậy ông T phải thực hiện nghĩa vụ theo cam kết trên.

[3] Về án phí: Bà N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ không phải chịu án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, bà N, ông T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 122; Điều 471; Điều 474 Bộ luật dân sự 2005. Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ yêu cầu bà Vũ Thị N trả nợ.

Buộc bà Vũ Thị N, sinh năm 1975, trú tại thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (trả tại chi nhánh huyện Đ, tỉnh Thái Bình) số tiền 4.654.131đồng, trong đó tiền gốc là 3.009.230đồng; tiền lãi tính đến hết ngày 28/11/2018 là 1.644.901đồng gồm lãi trong hạn 230.770đồng; lãi quá hạn 1.414.131đồng.

Trường hợp bà Vũ Thị N không trả được nợ cho Ngân hàng thì người bảo lãnh là anh Đỗ Văn T, sinh năm 1974, trú tại thôn X, xã Đông C, huyện Đ, tỉnh T(chồng bà N) phải có trách nhiệm trả nợ thay cho bà N.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định

của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

3. Về án phí: Bà Vũ Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ 300.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu số 0007752 ngày 11/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt bà T, bà N, ông T, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Đông Hưng;
- Chi cục THADS huyện Đông Hưng;
- Dương sự;
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thị Lan Phương